

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH Ở BẬC ĐẠI HỌC

• Huỳnh Tấn Hội(*)

Tóm tắt

Công nghệ thông tin mở ra triển vọng to lớn trong việc đổi mới phương pháp cũng như hình thức dạy và học tiếng Anh ở bậc đại học hiện nay. Với phương pháp giảng dạy truyền thống lấy giáo viên làm trung tâm, dạy sao cho người học nhớ lâu, hiểu kỹ thì việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm, phát huy tối đa khả năng sáng tạo, tìm tòi kiến thức, nâng cao tính chủ động và tương tác tích cực nơi người học. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong việc giảng dạy không phải là làm thay đổi hoàn toàn cách giảng dạy truyền thống mà là cùng với những lợi ích của việc giảng dạy truyền thống làm cho việc dạy và học được hiệu quả hơn.

Từ khóa: Công nghệ thông tin, ứng dụng, dạy và học.

1. Đặt vấn đề

Thế giới ngày hôm nay đang trải qua kỉ nguyên công nghệ số và suốt những năm cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI, chúng ta đã chứng kiến sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin (CNTT). CNTT đã góp phần mang lại những thay đổi có tính khuyển đảo trong mọi hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

Khái niệm CNTT được hiểu và định nghĩa trong nghị quyết Chính phủ 49/CP kí ngày 04/08/1993: "CNTT là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kĩ thuật hiện đại - chủ yếu là kĩ thuật máy tính và viễn thông - nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm năng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội" [3].

Nhận thấy vai trò rất lớn của CNTT đối với mọi mặt của đời sống, việc áp dụng CNTT vào trong công tác giảng dạy, đào tạo và xây dựng đội ngũ tri thức đã sớm được người ta nghĩ tới. Tại các nước phương Tây, hệ thống giáo dục từ tiểu học đến phổ thông đều được áp dụng CNTT vào trong giảng dạy một cách sâu rộng và hiệu quả.

Cụ thể hơn, đối với bộ môn tiếng Anh có đặc thù riêng biệt, việc áp dụng CNTT vào trong việc dạy và học hiện nay cần thiết hơn bao giờ hết. Với các thiết bị chuyên dụng, người dạy và người học có thể tương tác với nhau hiệu quả hơn, không chỉ đơn giản là qua những câu chữ ở trên bảng. Bên cạnh đó, sự ra đời của Internet đã tạo nên một khái

niệm mới là CNTT và truyền thông (Information and Communication Technology - viết tắt là ICT), qua đó giúp con người ngày nay được kết nối với nhau một cách chặt chẽ và dễ dàng hơn bao giờ hết. Người học ngồi đây nhưng vẫn có thể giao tiếp, trò chuyện trực tiếp theo thời gian thực (in real time) với chính những người bản xứ ở cách xa nửa vòng trái đất - những người đang sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ hằng ngày.

Ứng dụng CNTT sẽ mang lại những công cụ hỗ trợ đắc lực đối với việc dạy và học các môn học nói chung, đặc biệt là môn tiếng Anh nói riêng. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Việc phát triển nguồn nhân lực CNTT và ứng dụng vào trong giáo dục là một nhiệm vụ quan trọng có ý nghĩa đối với sự phát triển của đất nước trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và xu thế tin học hóa giáo dục ngày nay.

2. Cơ sở thực tiễn

Đề đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giáo dục và đào tạo, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành chỉ thị số 55/2008 "Về tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng CNTT trong ngành giáo dục giai đoạn 2008 - 2012", qua đó đẩy mạnh một cách hợp lí việc triển khai ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy và học ở từng cấp học. Cụ thể hơn đối với bậc đại học, nghị quyết TW2 - khóa VIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu: "Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục - đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học, từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy học, đảm bảo điều kiện

(*) Trường Đại học FPT Thành phố Hồ Chí Minh.

thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên (SV) đại học” [1].

Trong vòng 12 năm (từ 1998 đến 2010), Nhà nước tăng dần đầu tư giáo dục - đào tạo từ mức hơn 13% lên 20% tổng chi ngân sách nhà nước. Với tỷ lệ chi ngân sách cho giáo dục như trên, Việt Nam thuộc nhóm nước có tỷ lệ chi cho giáo dục cao nhất thế giới (theo dantri.com.vn). Nhờ đó, hệ thống cơ sở vật chất đáp ứng cho việc ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy được hình thành cho nhiều trường ở tất cả các cấp. Đa số các trường đều có các phòng đa phương tiện có máy chiếu, máy tính, hệ thống âm thanh phục vụ cho việc dạy và học, chủ yếu là ở môn tin học và tiếng Anh.

Việc đầu tư lớn cho giáo dục đã mang lại những hiệu quả nhất định. Hầu hết khi lên đến bậc đại học, các SV đều biết sử dụng các thiết bị công nghệ, máy tính. Do đó, việc ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy môn tiếng Anh ở bậc đại học đã trở nên dễ dàng và thuận tiện hơn. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển vượt bậc của công nghệ, các thiết bị đa phương tiện có giá thành ngày càng giảm và phổ biến hơn đối với tất cả người dùng, giúp cho giảng viên (GV) cũng như SV đều có thể dễ dàng sở hữu các thiết bị riêng để phục vụ cho mục đích dạy và học.

3. Phương pháp nghiên cứu và kết quả

Từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2013, một nghiên cứu được thực hiện bởi mạng cộng đồng giáo viên Violet kết hợp với Trung tâm Nghiên cứu thiết bị giảng dạy - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam và Công ty trách nhiệm hữu hạn Intel Việt Nam, tiến hành khảo sát trực tuyến về nhu cầu và thói quen sử dụng CNTT trong giảng dạy của giáo viên Việt Nam với đối tượng khảo sát là 10 nghìn giáo viên trên cả nước. Theo kết quả khảo sát, chỉ có 50,1% giáo viên sử dụng các thiết bị CNTT trong quá trình làm việc, giảng dạy tại trường học; 73% số trường học có trang bị phòng máy tính đa chức năng và 43,9% dùng phòng đa chức năng cho việc dạy và học môn tiếng Anh.

Một cuộc khảo sát trực tuyến được thực hiện bởi tác giả bài viết đối với 100 SV thuộc Trường Đại học FPT và Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với câu hỏi hình thức dạy tiếng Anh đang được áp dụng ở trường đối tượng khảo sát theo học, 80% SV cho biết GV

hiện vẫn áp dụng phương pháp giảng dạy truyền thống là ghi chép trên bảng, nghe qua băng CD và có sử dụng thêm bài giảng điện tử (bài giảng dạng trình chiếu). Chỉ có 25% SV cho biết GV có sử dụng Internet trong quá trình giảng dạy và 5% có sử dụng phần mềm học tiếng Anh chuyên dụng.

Cũng theo cuộc khảo sát trên, về phía SV, khi được hỏi “Bạn nghĩ sao nếu áp dụng CNTT vào trong việc giảng dạy môn tiếng Anh”, 90% SV cho rằng “nên áp dụng vì sẽ giúp việc học tiếng Anh hiệu quả hơn”; 50% nhận thấy “rất cần thiết, cần triển khai và áp dụng ngay trong bối cảnh ngày nay” và chỉ có 2% SV nghĩ rằng “có áp dụng cũng được, không áp dụng cũng không sao”.

Các con số trên cho thấy thực trạng ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy tiếng Anh hiện nay ở bậc đại học: số lượng GV ứng dụng CNTT vào giảng dạy mới chỉ dừng lại ở mức độ trung bình, đa phần mới chỉ ứng dụng trong việc soạn thảo các bài giảng điện tử và hiện vẫn còn sử dụng máy cassette/CD cho kỹ năng nghe tiếng Anh. Mặt khác, số lượng trường có trang bị phòng máy tính đa phương tiện khá nhiều nhưng GV vẫn chưa tận dụng hết chức năng cho việc giảng dạy. Về phía SV, hầu hết các SV đều nhận thấy tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT vào trong việc học và mong muốn được áp dụng một cách sâu rộng hơn nữa.

4. Sự cần thiết của việc ứng dụng CNTT trong việc dạy và học tiếng Anh

4.1. Đối với GV

Đối với người GV, khi ứng dụng CNTT, việc soạn bài giảng sẽ không chỉ dừng lại ở những câu chữ, trình tự trong giáo án. Việc soạn bài giảng bằng máy vi tính sẽ giúp GV tạo ra những bài giảng điện tử hết sức sinh động và thú vị: nội dung bài học được trình bày bên cạnh hình ảnh, âm thanh, video minh họa... sẽ thu hút sự chú ý và tạo hứng thú cho SV. Tiếng Anh là môn học cần được giảng dạy trên nhiều kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Một hạn chế đối với đa phần SV Việt Nam là kỹ năng nghe, nói chưa thực sự tốt do không có điều kiện tiếp xúc nhiều với người nước ngoài. Với sự trợ giúp của máy vi tính có kết nối đến hệ thống internet, hạn chế trên sẽ được dễ dàng khắc phục bởi hiện nay trên mạng internet cung cấp rất nhiều đoạn video, đoạn hội thoại bằng tiếng Anh miễn phí do chính những người bản xứ thực hiện. Giảng viên chỉ cần

tìm kiếm và chọn ra một đoạn video, đoạn hội thoại có nội dung phù hợp với bài giảng của mình để cung cấp và rèn luyện kỹ năng nghe, nói cho SV. Cũng thông qua Internet, GV có thể tìm hiểu và cung cấp vào bài học cho SV những thông tin hữu ích bên lề như văn hóa, phong tục quốc gia, tính cách người bản xứ hoặc các thông tin khác liên quan đến nội dung bài học, vừa giúp nội dung bài học thêm phong phú, đa dạng, hấp dẫn, vừa trang bị những kiến thức xã hội hữu ích cho SV [6].

Mặt khác, ngoài việc cung cấp những bài giảng sinh động cho SV, GV còn có thể tương tác trực tiếp với từng SV hoặc nhiều SV cùng một lúc thông qua hệ thống internet. Ngày nay xuất hiện rất nhiều ứng dụng, dịch vụ hỗ trợ cho việc tương tác theo nhóm như vậy: từ mạng xã hội Facebook, Google Groups, hệ thống thư điện tử (email) như Yahoo! Mail, Google Mail... đến các phần mềm hỗ trợ chuyên dụng như Netop School. Giảng viên có thể dễ dàng liên lạc với SV, hỗ trợ kiến thức, kiểm tra bài tập cũng như thực hành đối thoại, giao tiếp tiếng Anh trực tiếp với SV. Có thể nói, các thiết bị CNTT và hệ thống Internet mở ra một loạt các phương thức tiếp cận, tương tác giữa GV và SV trong việc học tiếng Anh theo cách tích cực và hiệu quả nhất.

4.2. Đối với SV

Thế hệ SV Việt Nam là những tri thức trẻ năng động, dễ dàng tiếp thu những tiến bộ khoa học công nghệ nên đó cũng là một thuận lợi để người GV ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy.

Theo các nghiên cứu khoa học cho thấy: bộ não con người ghi nhớ thông tin qua hình ảnh (tức những gì họ nhìn) tốt hơn rất nhiều so với âm thanh (tức những gì họ nghe). Điều này qua thực tế đã chứng minh rất rõ: việc học chỉ có đọc - chép, nghe GV giảng có hiệu quả rất thấp. Đặc biệt đối với bộ môn tiếng Anh, nếu chỉ có nghe giảng ngữ pháp, từ vựng thì chắc chắn một điều SV sẽ quên bài rất nhanh. Nếu người GV cung cấp các bài giảng điện tử sinh động, các video clip, các đoạn âm thanh trong việc giảng dạy thì SV sẽ dễ dàng tiếp thu kiến thức và ghi nhớ lâu hơn.

Bên cạnh đó, việc học nhóm cũng sẽ hiệu quả hơn rất nhiều: học ở bất kỳ nơi đâu, bất cứ khi nào, trao đổi, thảo luận, chia sẻ các tài liệu, kiến thức với nhau một cách dễ dàng và nhanh chóng. Đối

với bộ môn tiếng Anh, việc thực tập giao tiếp với nhau bằng tiếng Anh thường xuyên là rất cần thiết. Thông qua máy tính có kết nối internet, SV có thể thực tập với nhau thường xuyên và chủ động hơn, qua đó cùng giúp nhau sửa lỗi, rèn luyện và nâng cao khả năng giao tiếp. Mặt khác, chính SV cũng có thể chủ động tìm kiếm cho mình những người bạn nước ngoài để có thể giao tiếp và học hỏi.

Internet là một kho tri thức vô tận. Chỉ với vài từ khóa, vài cái nhấp chuột là SV có thể tự tìm cho mình hàng trăm, hàng ngàn tài liệu hữu ích hỗ trợ cho việc học. Ngay trong giờ học, GV có thể đưa ra các bài tập nhỏ để tự tìm hiểu trên internet, vừa giúp bài học thêm sinh động, vừa nâng cao tính chủ động, tích cực tư duy, sáng tạo từ SV. Internet cũng cung cấp rất nhiều bài tập dưới nhiều hình thức giúp SV có thể tự rèn luyện, ôn tập kiến thức cho mình. Bên cạnh đó, sẽ không còn hình ảnh SV đến lớp phải mang theo một cuốn từ điển dày hàng trăm trang bởi chính internet cũng cung cấp những bộ từ điển trực tuyến đồ sộ với kho dữ liệu lên đến hàng trăm ngàn từ mà SV có thể tra cứu bất kì lúc nào. Và một lợi ích lớn lao hơn nữa là các bộ từ điển trên máy tính cung cấp chức năng phát âm cho từ rất tốt. Đặc thù của bộ môn tiếng Anh là muốn nghe đúng, nói đúng thì cần phát âm từ chuẩn xác. Việc GV trên lớp phát âm rồi SV lặp lại không thể đảm bảo hiệu quả bởi số lượng từ nhiều trong khi GV không thể lặp đi lặp lại cách phát âm của một vài từ nào đó nhiều lần hoặc SV nghe không kịp. Những bộ từ điển số sẽ giúp SV có thể tự nghe và lặp lại phát âm của từ sao cho chuẩn xác nhất [7, tr. 175-199].

Như thế, không thể phủ nhận vai trò ngày càng quan trọng của việc ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy tiếng Anh ở bậc đại học hiện nay. Đây không chỉ là một xu thế tất yếu mà còn là nhu cầu cấp thiết trong bối cảnh xã hội công nghiệp hóa - hiện đại hóa luôn cần những đội ngũ tri thức năng động, sáng tạo, chủ động, tự duy tích cực và có khả năng ngoại ngữ tốt để hội nhập với thế giới.

5. Cách thức ứng dụng CNTT sâu rộng vào trong việc dạy và học tiếng Anh

Do có những lý do khách quan, hiện nay, GV ở các trường đại học đa phần mới chỉ ứng dụng CNTT vào trong việc giảng dạy ở mức cơ bản chẳng hạn như soạn thảo các bài giảng điện tử. Trên thực tế,

ứng dụng CNTT còn hỗ trợ làm được hơn thế rất nhiều. Dưới đây trình bày một vài cách thức mà GV có thể áp dụng để ứng dụng CNTT sâu rộng hơn vào trong việc dạy và học tiếng Anh:

5.1. Soạn thảo bài giảng điện tử

Điều này có lẽ không còn quá xa lạ với đa phần các GV ở bậc đại học hiện nay. Phần mềm phổ biến và quen thuộc nhất đối với các GV là PowerPoint của Microsoft. Đây là sản phẩm thương mại nên chất lượng rất tốt. Bên cạnh đó, các GV cũng không nên bỏ qua các phần mềm phi thương mại khác cũng có tính năng tương đương như Libre Impress, Google Slide, Microsoft PowerPoint Online...

Việc soạn các bài giảng điện tử này bằng máy tính mang lại rất nhiều ưu điểm:

- Bài giảng có hình thức đẹp, nội dung phong phú, thu hút, sinh động và dễ dàng thao tác chỉnh sửa, cập nhật trong quá trình sử dụng.

- GV có thể sử dụng tất cả các tư liệu liên quan dưới nhiều hình thức trong bài giảng như hình ảnh, âm thanh, video... nhằm mang lại cho SV những trải nghiệm học tập tốt nhất.

- Giúp GV dễ dàng cung cấp bài giảng đến SV hoặc trao đổi, chia sẻ các bài giảng với đồng nghiệp.

Hiện nay, việc tiếp cận Internet là khá dễ dàng. GV hoàn toàn có thể dễ dàng tìm kiếm và tận dụng các nguồn tài liệu, bài giảng sẵn có được chia sẻ trên mạng. Tuy nhiên, điều đó cũng có nghĩa là chính SV cũng có thể tìm kiếm và sử dụng các nguồn tài nguyên đó. Vì vậy, người GV không thể sử dụng y nguyên những gì có trên mạng mà cần có sự sáng tạo, vận dụng một cách khoa học và tự soạn ra những bài giảng riêng phù hợp với SV mới mang lại sự hứng thú và hiệu quả trong học tập. Quá trình soạn thảo một bài giảng điện tử như sau:

- Liệt kê những nội dung mà mình sẽ trình bày trong bài: văn phạm, từ vựng, các bài nghe, các đoạn hội thoại, bài đọc, bài viết...

- Soạn thảo sơ bộ những nội dung chi tiết cho từng slide.

- Nhập nội dung, chọn hình thức trình bày, bố cục... cho slide bài giảng.

- Tùy từng nội dung mà GV có thể chèn vào trong slide các tập tin hình ảnh, âm thanh hay đoạn video. Đối với từ vựng thì có thể sử dụng phần phát âm trong các bộ từ điển sẵn có, các đoạn hội thoại, giao tiếp cũng được cung cấp trên internet

rất đa dạng và phong phú về nội dung cũng như hình thức.

- Các phần mềm soạn bài giảng điện tử cũng hỗ trợ tạo ra các bài trắc nghiệm hoặc các trò chơi ô chữ tùy vào khả năng vận dụng và sáng tạo của GV.

Việc soạn thảo bài giảng điện tử cũng cần tuân theo những quy tắc riêng, tránh để “lợi bất cập hại”: người GV không thể quá lệ thuộc vào slide bài giảng mà không có những dẫn giải, ghi chép, giải thích nội dung bài học cho SV, tránh tình trạng “thầy chiếu - trò chép”; nội dung trong slide là những nội dung súc tích, cô đọng, mang tính tổng quát nhất, phần nội dung diễn giải cụ thể phải được GV triển khai; hình thức trình bày slide bài giảng cần đơn giản nhưng thu hút, gắn với nội dung bài học [8].

5.2. Hệ thống bài giảng trực tuyến E-learning

Hệ thống bài giảng trực tuyến E-learning hiện nay là một xu thế mới trong đào tạo. Mục đích chính của E-learning là giúp người học có thể tự học mọi nơi mọi lúc bởi chỉ với một máy tính có kết nối internet là có thể truy cập tới hệ thống bài giảng đã được GV biên soạn sẵn hoặc cùng tham gia trao đổi, học tập với bạn bè trong lớp cũng như với chính GV.

Hiện nay, hệ thống E-learning đã được triển khai ở các trường đại học lớn trên thế giới như đại học Berkeley (University of California), Cambridge, Western Michigan... Tại Việt Nam cũng đã được triển khai ở một số trường đại học như Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Công nghệ thông tin Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Khoa học tự nhiên thành phố Hồ Chí Minh... và bước đầu đã mang lại những hiệu quả nhất định.

Triển khai hệ thống E-learning cần có sự đầu tư nghiêm túc và lâu dài bởi hệ thống hoạt động thông qua mạng Internet. Tuy nhiên, hiện nay điều này là một hạn chế với hầu hết các trường đại học bởi chi phí cho việc đầu tư rất lớn (giá bản quyền các phần mềm hỗ trợ xây dựng hệ thống E-learning khá cao, chẳng hạn phần mềm Articulate Studio có giá lên đến 1.200USD) và cần có đội ngũ cán bộ chuyên trách trong việc duy trì hoạt động ổn định của hệ thống. Về phần GV, khi hệ thống được xây dựng hoàn chỉnh, GV cần thường xuyên cung cấp bài giảng đến cho SV cũng như sử dụng hệ thống trong việc trao đổi, giải đáp và tương tác với SV.

5.3. Khai thác nguồn tài nguyên trên internet

Đây là một điều không thể thiếu khi ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy tiếng Anh ở bậc đại học. Hiện nay, có rất nhiều diễn đàn, trang web cung cấp nguồn tài liệu, bài giảng do chính các GV cung cấp, được biết đến nhiều nhất là trang web violet.vn, diễn đàn hocmai.vn. Về các video clip hội thoại tiếng Anh, youtube.com là trang web được nhiều GV tìm đến nhất. Tuy nhiên, các trang web này đều là những trang tổng hợp nội dung, không phải là chuyên biệt cho bộ môn tiếng Anh, nên GV cần có thời gian chọn lọc ra những nội dung phù hợp nhất với yêu cầu của mình [2, tr. 87-88].

Trên trang video lớn nhất thế giới hiện nay Youtube có khá nhiều kênh dạy tiếng Anh do chính những người nước ngoài cung cấp cũng khá hiệu quả trong việc áp dụng vào nội dung bài học: VOA Learning English, Speak English with Misterduncan... GV và SV đều có thể dễ dàng truy cập và sử dụng các bài giảng từ các trang này hoàn toàn miễn phí.

Ngoài ra, hệ thống kiểm tra trắc nghiệm tiếng Anh trực tuyến cung cấp trên Internet cũng khá hiệu quả. Các bài kiểm tra này được tiến hành trên cả 4 kỹ năng nghe - nói - đọc - viết (tùy từng trang khác nhau) dưới nhiều hình thức cũng như nội dung, trình độ. Một số trang web phổ biến như cambridgeenglish.org, oxfordenglishtesting.com...

5.4. Sử dụng các phần mềm học tiếng Anh chuyên dụng

Đây là một lựa chọn khá tốt đối với cả GV lẫn SV bởi các phần mềm này giống như một giáo trình tiếng Anh đầy đủ, cung cấp nội dung văn phạm, từ vựng, bài tập, video, âm thanh... theo từng đơn vị bài học.

Đa phần các phần mềm này đều là phần mềm thương mại bởi chất lượng phần mềm được đầu tư khá tốt cả về nội dung lẫn hình thức sao cho người học có những trải nghiệm tốt nhất. Các phần mềm lớn có thể kể đến như bộ phần mềm đi kèm giáo trình Outcomes (Andrew Walkley; Hugh Dellar), Tell Me More, Rosetta Stone... Đối với các sản phẩm trong nước cũng có thể kể đến bộ CD học tiếng Anh của nhóm phát triển phần mềm học sinh - SV SSDG, English Study Pro (Phạm Thùy Nhân),... với giá bản quyền cũng tương đối phù hợp với người dùng Việt Nam. Cả GV lẫn SV đều

có thể sử dụng các phần mềm này cho việc dạy và học tiếng Anh một cách hiệu quả.

6. Những hạn chế và việc ứng dụng CNTT vào việc dạy học ở Trường Đại học FPT

Việc ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy tiếng Anh ở bậc đại học một cách sâu rộng là điều chắc chắn nhưng với điều kiện hiện nay thì không thể tiến hành ngay lập tức mà cần một quá trình đầu tư lâu dài. Với hầu hết các trường đại học hiện nay, đều tồn tại những thách thức chung và những hạn chế còn tồn đọng cần sớm được khắc phục:

Thứ nhất, thách thức lớn nhất chính là điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng cho việc ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy chưa thực sự đầy đủ. Đa phần các trường mới chỉ trang bị hệ thống máy chiếu và hệ thống âm thanh, còn laptop là do GV tự trang bị trong khi không phải bất kì GV nào cũng có đủ điều kiện trang bị cho riêng mình một chiếc laptop. Bên cạnh đó, việc ứng dụng CNTT còn cần đến đường truyền Internet băng thông rộng, đặc biệt với bộ môn tiếng Anh, để đạt hiệu quả tốt nhất thì mỗi SV cần được trang bị máy tính, tai nghe khi thực hành kỹ năng nghe - nói, mà điều này thì thực tế không phải bất kì trường nào cũng có thể đầu tư do chi phí quá lớn. Có lẽ trong tương lai, khi mà nền kinh tế đất nước phát triển hơn, ngân sách chi cho giáo dục được nhà nước đầu tư nhiều hơn thì những khó khăn về vật chất cũng sẽ sớm được khắc phục.

Thứ hai, kiến thức, trình độ và kỹ năng ứng dụng CNTT của một số GV vẫn còn hạn chế, cùng với tư duy lối mòn trong phương pháp dạy dẫn đến ngại áp dụng cái mới, ngại thay đổi phương pháp dạy và học. Do đó, việc trước tiên cần làm là đào tạo những đội ngũ GV không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn cần nắm vững kỹ năng ứng dụng CNTT và có tư duy đổi mới, sáng tạo trong giáo dục.

Thứ ba, việc ứng dụng CNTT vào trong dạy và học tiếng Anh yêu cầu cả GV lẫn SV cần phải luôn linh hoạt, sáng tạo và biết chọn lọc cho mình những nội dung cần thiết nhất. Internet không chỉ chứa những kiến thức cần thiết mà bên cạnh đó còn có những nội dung khác. Do đó, cần phải có kỹ năng tìm kiếm, phân tích và chọn lọc để tránh sa đà vào những nội dung không liên quan.

Thứ tư, việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy không phải là thay đổi hoàn toàn phương pháp

giảng dạy truyền thống mà là cùng với phương pháp giảng dạy truyền thống mang lại hình thức giảng dạy hiệu quả hơn. Giảng viên và SV cần tránh quá lệ thuộc vào bài giảng điện tử, Internet bởi vẫn có những nội dung cần đến bảng - phấn hay tương tác trực tiếp giữa GV - SV hay SV - SV như việc thực hành các đoạn hội thoại, giao tiếp. Do đó, giữ lại những ưu điểm của phương pháp giảng dạy truyền thống và phát huy những tiến bộ của việc ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy là điều mà mỗi người GV cần nắm vững.

Từ những vấn đề đã đề cập ở trên, hãy nhìn vào thực trạng ứng dụng CNTT của một trường đại học tiêu biểu nơi tác giả đang công tác - Đại học FPT. Đại học FPT là một trong những trường đi đầu trong việc xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế và CNTT được ứng dụng trong dạy và học ở hầu hết các ngành học. Nhà trường được trang bị khá hiện đại về cơ sở vật chất, trang thiết bị, máy móc từ máy chiếu cho đến hệ thống âm thanh, thư viện, phòng y tế, phòng Lab... Ngoài ra, các buổi hội thảo về các chuyên đề khác nhau được tổ chức khá thường xuyên, trong đó có những chuyên đề về phương pháp dạy học có ứng dụng CNTT nhằm nâng cao kiến thức cho các GV. Các khoa còn có tổ chức các hội thảo nhỏ hơn mang tính riêng lẻ bên cạnh các hội thảo lớn của trường để các GV có cơ hội trao đổi chuyên môn, nâng cao và phát triển kỹ năng, kỹ xảo dạy học. Do đó tất cả các GV giảng dạy tại Đại học FPT có thể sử dụng CNTT khá tốt. Ngay cả các GV mới vào trường, ít nhất cũng phải biết sử dụng máy tính để làm những công việc đơn giản nhất như điểm danh SV, cho đến mức độ phức tạp hơn là thiết kế đề thi, chấm thi

trên hệ thống mạng LMS của trường. Một ví dụ điển hình là vào ngày 23/9/2017, trường tổ chức khóa bồi dưỡng đào tạo cho các GV chưa được huấn luyện về chuẩn IBSTPI (International Board Standard for Training Performance Instruction). Từ đó, các GV luôn phải tâm niệm một điều là chính họ phải luôn cố gắng để hoàn thiện các kỹ năng liên quan, cũng như việc cần thiết ứng dụng CNTT vào quá trình giảng dạy nói chung và công việc giảng dạy tiếng Anh nói riêng, sao cho có hiệu quả nhất.

7. Kết luận

Bức tranh ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy ở bậc đại học đối các môn học nói chung và môn tiếng Anh nói riêng nhìn chung đã có những khởi sắc mới, tuy nhiên vẫn còn rời rạc. Sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, CNTT với nhiều vai trò tích cực đã cho thấy việc ứng dụng CNTT vào trong giảng dạy là một xu thế tất yếu để phát triển giáo dục và đạt được mục tiêu nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo. Đối với môn tiếng Anh nói riêng, việc ứng dụng CNTT vào trong dạy và học là một xu thế và nhu cầu tất yếu trong bối cảnh ngày nay bởi những lợi ích to lớn mà CNTT mang lại. Tuy nhiên, đó là một quá trình lâu dài bởi vẫn còn tồn tại nhiều thách thức, khó khăn về nhân lực, tài lực cũng như cơ sở vật chất, tài chính. Bên cạnh những thành tựu bước đầu đạt được, chắc chắn trong thời gian tới, những GV - những con người đang gánh vác trên vai sự nghiệp “trồng người” sẽ nỗ lực hết mình để đưa CNTT vào trong giảng dạy tiếng Anh nói riêng và các môn học khác nói chung một cách sâu rộng hơn, nhằm đào tạo ra những đội ngũ tri thức năng động, sáng tạo, chủ động, tích cực và sẵn sàng hội nhập với thế giới./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Chỉ thị số 55/2008 về tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng CNTT trong ngành giáo dục giai đoạn 2008 - 2012.
- [2]. Trịnh Văn Biều (2012), “Một số vấn đề về đào tạo trực tuyến (E-learning)”, *Khoa học Giáo dục Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, số 40, tháng 11/2012, tr. 86-90.
- [3]. Chính phủ (1993), Nghị quyết số 49/CP của Chính phủ ngày 04/08/1993 về phát triển CNTT ở nước ta trong những năm 90.
- [4]. Phạm Văn Danh (2009), “Sử dụng CNTT - viễn thông để nâng cao hiệu quả dạy - học và đổi mới phương thức đào tạo các bậc học”, Kỷ yếu hội thảo “Đánh giá năng lực ICT trong dạy học của đội ngũ giáo viên các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề”, tháng 4/2009, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh.

- [5]. Gower, R & Walters, S (1983), *Teaching practice book*, Macmillan Education.
- [6]. Harmer, J. (1998), *How to teach English*, Addison Wesley Longman Limited, p.13-24.
- [7]. Harmer, J. (2007), *The practice of English language teaching*, Cambridge: UK, Pearson Longman.
- [8]. Hughes, G. S. (2001), *A handbook of classroom English*, Oxford University Press, p. 121- 136.
- [9]. Phạm Xuân Hậu (2009), “Ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả dạy học và nghiên cứu khoa học trong các trường sư phạm”, *Kỹ yếu hội thảo khoa học - Bộ Giáo dục và Đào tạo*, tháng 05/2009.

APPLYING INFORMATION TECHNOLOGY IN TEACHING AND LEARNING ENGLISH AT UNIVERSITY

Summary

Information technology opens up great prospects in the innovation of changing methods and forms of teaching and learning in higher education today. While the traditional teacher-centred approach teaches students how to understand clearly and memorize well, the current learner-centered approach aided by information technology is to maximize students' creativity, knowledge exploration and enhance their proactiveness as well as positive interaction. The application of information technology does not mean completely transforming the traditional instruction, but along with its strengths, the new approach can make teaching and learning more effective.

Keywords: Information technology, application, teaching and learning.

Ngày nhận bài: 14/8/2017; Ngày nhận lại: 20/9/2017; Ngày duyệt đăng: 12/9/2018.